

Số: /KH-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng 4 năm 2025

## KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 06/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông đến năm 2030**

Căn cứ Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 06/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông đến năm 2030 (sau đây viết tắt là *Quyết định số 525/QĐ-TTg*), Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 525/QĐ-TTg như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Thống nhất chỉ đạo các sở, ngành, cơ quan tương đương, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là *các sở, ngành, địa phương*) trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW.

2. Xác định các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, bảo đảm các điều kiện, nguồn lực để các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 29-CT/TW, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với việc thực hiện các chủ trương của Đảng về chính sách xã hội, giáo dục.

3. Các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 29-CT/TW và Kế hoạch này để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

### II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC, GIÁO DỤC BẮT BUỘC, XÓA MÙ CHỮ CHO NGƯỜI LỚN VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRONG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CỦA TỈNH BẮC KẠN

1. **Khái quát chung về giáo dục và đào tạo của tỉnh Bắc Kạn (số liệu cuối học kỳ I năm học 2024-2025)**

#### 1.1. Quy mô mạng lưới trường, lớp học

- Mạng lưới trường, lớp học tiếp tục được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Năm học 2024-2025, tỉnh Bắc Kạn có 280 trường mầm non và phổ thông (bao gồm 107 trường mầm non, 63 trường tiểu học, 47 trường THCS, 49 trường TH&THCS, 4 trường THCS&THPT và 10 trường THPT), 9

trung tâm giáo dục (bao gồm 1 trung tâm GDTX tỉnh, 1 trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập và 7 trung tâm GDNN-GDTX huyện). Số điểm trường lẻ là 396 (mầm non: 233 điểm, tiểu học: 163 điểm). Toàn tỉnh có 39 cơ sở giáo dục mầm non độc lập với 48 nhóm, lớp (45 nhóm trẻ; 03 lớp mẫu giáo).

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 16 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm: 01 trường cao đẳng, 02 trường trung cấp, 7 trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện, 06 doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

### **1.2. Tổng số học sinh, sinh viên, học viên**

- Tổng số học sinh, học viên học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên trong toàn tỉnh là 82.180, bao gồm: 19.250 trẻ mầm non (tỷ lệ trẻ ngoài công lập chiếm 18,26%), 29.073 học sinh tiểu học, 23.640 học sinh THCS, 8.422 học sinh THPT, 1717 học viên GDTX cấp THPT và 78 học sinh tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập tỉnh Bắc Kạn.

- 100% cơ sở giáo dục có cấp tiểu học tổ chức dạy học 2 buổi/ngày với tỷ lệ học sinh học 9-10 buổi/tuần đạt 96,88%.

- Trường Cao đẳng Bắc Kạn có 417 học viên theo học cùng một lúc 2 chương trình học là giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên cấp THPT; có 545 học sinh, sinh viên theo học khối giáo dục nghề nghiệp và Cao đẳng mầm non (*trong đó, 446 học sinh, sinh viên khối giáo dục nghề nghiệp; 99 sinh viên cao đẳng mầm non*).

- Trong học kỳ I năm học 2024-2025, tỷ lệ học sinh bỏ học ở các cấp học như sau: Tiểu học 0,007%, THCS 0,21%, THPT 0,73%, GDTX cấp THPT 6,39%.

### **1.3. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (số liệu tính đến 31/12/2024)**

#### **1.3.1. Đội ngũ viên chức**

- Tổng số viên chức hiện có toàn ngành là 6.635 người, gồm 662 cán bộ quản lý, 5.319 giáo viên, 563 nhân viên và 91 lao động hợp đồng. Trường Cao đẳng Bắc Kạn có 02 cán bộ quản lý, 05 viên chức quản lý cấp phòng/khoa và 21 giáo viên (19 viên chức, 2 giáo viên thỉnh giảng) phục vụ công tác giáo dục thường xuyên.

- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ được đào tạo cấp mầm non là 97,04%; cấp tiểu học đạt 87,95%; cấp THCS đạt 95,26%; cấp THPT, GDTX đạt 100%. Trong đó: tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ được đào tạo cấp mầm non đạt 73,04%; cấp tiểu học đạt 0,43%; cấp THCS đạt 1,23%; cấp THPT đạt 20,87%.

#### **1.3.2. Đội ngũ công chức**

Sở GD&ĐT có 36 công chức, Phòng GD&ĐT các huyện/thành phố có 63 công chức.

#### **1.4. Về cơ sở vật chất trường, lớp học (số liệu cuối học kỳ I năm học 2024-2025)**

- 100% trường đạt tỷ lệ 1 phòng/01 lớp; trong đó, phòng học kiên cố cấp mầm non đạt 74,81%, cấp tiểu học đạt 62,46%, cấp trung học đạt 85,68%; số trường có đủ phòng học bộ môn đạt chuẩn đạt 37,73%.

- Toàn tỉnh có 139/280 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, chiếm 49,64%, với tỷ lệ chi tiết theo từng cấp học như sau: Mầm non: 57,94% (62/107 trường); Tiểu học: 63,49% (40/63 trường); TH&THCS: 34,69% (17/49 trường); THCS: 40,43% (19/47 trường); THPT: 10% (01/10 trường).

## **2. Công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ và phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông tính đến hết năm 2024**

### **2.1. Công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ**

- Về phổ cập giáo dục mầm non (GDMN) cho trẻ 5 tuổi: Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường đạt 100%, tỷ lệ trẻ 5 tuổi học 2 buổi trên ngày đạt 100%, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non; tỷ lệ huy động trẻ 3-5 tuổi đạt 100%; tỷ lệ huy động trẻ 0-2 tuổi ra lớp đạt 35,68%. 108/108 đơn vị cấp xã đạt tiêu chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tỷ lệ 100%; 8/8 huyện, thành phố đạt tiêu chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tỷ lệ 100%; tỉnh Bắc Kạn đạt tiêu chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

- Về phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục bắt buộc: Huy động 100% trẻ phải phổ cập từ 6-10 tuổi ra học các lớp tiểu học. Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học 99,44%; tỷ lệ trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học 99,77%. 108/108 đơn vị cấp xã đạt tiêu chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3, tỷ lệ 100%; 8/8 huyện, thành phố đạt tiêu chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3, tỷ lệ 100%; tỉnh Bắc Kạn đạt tiêu chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3.

- Về phổ cập giáo dục trung học cơ sở (PCGD THCS): Tỷ lệ thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS đạt 94,76%; tỷ lệ thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi đã tốt nghiệp THCS đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, GDNN là 80,79%; tỷ lệ thanh, thiếu niên trong độ tuổi 11-18 tuổi bỏ học là 4,76%. Có 23 đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2, tỷ lệ 21,3%; 85 đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3, tỷ lệ 78,7%; có 6/8 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2, tỷ lệ 75%; 2/8 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3, tỷ lệ 25%; tỉnh Bắc Kạn đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2.

- Về xóa mù chữ: Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ mức độ 1 đạt 96,33%, biết chữ mức độ 2 đạt 92,06%. Năm 2024, cả tỉnh mở được 47 lớp XMC với 1035 học viên (Chợ Đồn 08 lớp với 141 học viên, Ngân Sơn 02 lớp với 38 học viên, Pác Nặm 37 lớp với 856 học viên). Cả tỉnh có 108/108 đơn vị cấp xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, tỷ lệ 100%; có 8/8 đơn vị cấp huyện đạt

chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, tỷ lệ 100%; tỉnh Bắc Kạn đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

## ***2.2. Về phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông***

Học sinh sau khi tốt nghiệp THCS tiếp tục được giáo dục và đào tạo theo những khuynh hướng và ngành học khác nhau phù hợp với nguyện vọng, năng lực học sinh và nhu cầu xã hội. Cụ thể được phân chia theo 4 luồng khác nhau: Giáo dục phổ thông; giáo dục thường xuyên; giáo dục nghề nghiệp và tham gia lao động sản xuất.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã thực hiện đào tạo, tổ chức liên kết đào tạo hệ trung cấp GDNN theo thẩm quyền được giao. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai các kế hoạch, văn bản hướng dẫn về triển khai công tác đào tạo nghề, các chế độ chính sách cho người học nghề, tư vấn; đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, thông tin thị trường lao động, giới thiệu việc làm cho người lao động... Phối hợp với các doanh nghiệp đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 và giới thiệu, tuyển dụng nguồn lao động sau đào tạo đi làm việc tại các đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh sau khi kết thúc khóa học. Kết quả tuyển sinh và đào tạo năm 2024 là 11.400/6.000 người, đạt 190% kế hoạch chỉ tiêu giao (*trong đó: Hệ cao đẳng: 19 người; Hệ trung cấp: 786 người; Hệ sơ cấp: 2.064 người; Đào tạo dưới 3 tháng: 8.531 người*).

## **III. NỘI DUNG**

### **1. Mục tiêu**

#### ***1.1. Mục tiêu tổng quát***

Bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội công bằng, bình đẳng về việc tiếp cận giáo dục trong hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại. Tất cả công dân trong độ tuổi quy định bắt buộc phải học tập để đạt được trình độ học vấn tối thiểu theo quy định của pháp luật và được Nhà nước bảo đảm điều kiện để thực hiện. Hoàn thành việc xóa mù chữ cơ bản và tiến tới xóa mù chữ chức năng cho người lớn, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, phụ nữ và người lao động tại các khu vực khó khăn. Tăng tỷ lệ học sinh theo học các chương trình giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển toàn diện con người Việt Nam, đáp ứng những yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới. Phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, tạo nền tảng cho việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc.

#### ***1.2. Mục tiêu cụ thể***

##### ***1.2.1. Giáo dục mầm non***

Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phân đầu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt 38% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 99,5% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo.

Phân đầu có 99,5% trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày.

Phân đầu 100% giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

Phân đầu tỷ lệ cơ sở mầm non dân lập, tư thục (trường, nhóm trẻ) đạt 10%, số trẻ em theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục đạt 10%.

Phân đầu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; có 82% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

### *1.2.2. Giáo dục phổ thông*

Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; 100% huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 37,5% huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; 62,5% huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%, cấp trung học cơ sở đạt 97%; tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học đúng độ tuổi đạt 99,7%, trung học cơ sở đạt 99% và hoàn thành cấp trung học phổ thông đạt 95%; tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở đạt 99,5%, từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông và các trình độ khác đạt 95%; 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày.

Phân đầu 100% giáo viên phổ thông đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

Phân đầu có 01 cơ sở giáo dục phổ thông tư thục và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đạt 1,0%.

Phân đầu tỷ lệ phòng học kiên cố cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông đạt 100%; có 88% trường tiểu học, 77% trường trung học cơ sở (trường có cấp cao nhất là THCS) và 60% trường trung học phổ thông (trường có cấp cao nhất là THPT) đạt chuẩn quốc gia.

### *1.2.3. Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên*

Xóa mù chữ cho 0,5% người lớn chưa biết chữ, trong đó xóa mù chữ cho 0,4% người lớn chưa biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 60.

Phân đầu tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt 98%, trong đó tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt 97,5%. Có 100% huyện, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; tỉnh Bắc Kạn duy trì chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Phần đầu 100% học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông được tiếp cận dịch vụ hướng nghiệp và tư vấn nghề nghiệp chuyên nghiệp. Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi 15 - 25 học giáo dục nghề nghiệp đạt 20%. Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 50% lực lượng lao động. Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 90%.

Phần đầu Trường Cao đẳng Bắc Kạn được đánh giá, công nhận là trường cao đẳng chất lượng cao.

Phần đầu tỉnh Bắc Kạn được công nhận danh hiệu tỉnh học tập.

#### *1.2.4. Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập*

Triển khai hiệu quả hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Bắc Kạn đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật.

## **2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu**

### ***2.1. Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Chỉ thị số 29-CT/TW***

- Các sở, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ với tổ chức đảng và cấp ủy cùng cấp tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai nội dung Chỉ thị số 29-CT/TW trong toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các sở, ngành, địa phương chỉ đạo các cơ quan truyền thông, báo chí tăng cường thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về vai trò, vị trí quan trọng, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể, nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

- Sở Giáo dục và Đào tạo tăng cường triển khai công tác truyền thông chính sách về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

### ***2.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông***

#### *2.2.1. Các sở, ngành, cơ quan liên quan và địa phương*

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo thực hiện phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

- Tập trung rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, các cơ chế, chính sách về giáo dục và đào tạo; sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các lĩnh vực có liên quan, bảo đảm tính đồng bộ, nhất là về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức ngành Giáo dục, tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh cho thực hiện phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến; tăng cường chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và thực hiện đúng, đủ nhiệm vụ, quyền hạn về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

### *2.2.2. Sở GD&ĐT chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan liên quan*

- Tiếp tục triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi; triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi (khi có hướng dẫn của Trung ương); tiếp tục nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc; tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn; tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ những người hết tuổi lao động, người khuyết tật được học tập, được trang bị kiến thức công nghệ, năng lực, kỹ năng thiết yếu; liên thông giữa giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, phân luồng phù hợp với năng lực của người học, đáp ứng yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ.

- Rà soát, đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, ban hành cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật, các quy định về hỗ trợ học nghề, học thường xuyên, học suốt đời cho người lao động.

- Tiếp tục thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo đối với giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ trong phát triển nguồn nhân lực ngành Giáo dục, bảo đảm đủ biên chế, thực hiện liên thông giữa các địa phương, phù hợp với nhu cầu thực tiễn, có tính đến đặc thù của ngành và có bộ phận chuyên trách trong việc thực hiện phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu thực hiện, xây dựng cơ chế, chính sách tài chính theo thẩm quyền, bố trí ngân sách nhà nước, khuyến khích, huy động tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, xã hội tham gia công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, phát triển giáo dục và đào tạo.

### ***2.3. Đổi mới, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông***

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện các nội dung sau:

- Tiếp tục thực hiện tốt việc liên kết với các trường sư phạm trong xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên các cấp học, nhất là các giáo viên dạy các môn tích hợp, môn học mới mà tỉnh đang thiếu nguồn tuyển dụng bảo đảm đủ số lượng, cân đối về cơ cấu, phù hợp với nhu cầu thực tiễn, khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên.

- Trường Cao đẳng Bắc Kạn cần tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng đầu ra, tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Phối hợp thực hiện các chương trình liên kết, hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo; từng bước phối hợp, liên kết với các đơn vị giáo dục chất lượng cao, có uy tín để học sinh, sinh viên tại đơn vị được tiếp cận với phương tiện, phương pháp giáo dục hiện đại. Duy trì mô hình học song song giáo dục nghề nghiệp với giáo dục thường xuyên cấp THPT để tạo điều kiện cho người tốt nghiệp THCS.

- Đổi mới nội dung, chương trình, đa dạng các phương thức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên cho đội ngũ cán bộ, viên chức, nhà giáo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Phát triển năng lực nghề nghiệp, thực hành nghề nghiệp, chú trọng rèn luyện đạo đức, nhân cách nghề nghiệp, lòng yêu ngành, yêu nghề cho nhà giáo.

- Kiểm tra, đánh giá, quản lý việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

- Đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông phù hợp với năng lực, nguyện vọng, hoàn cảnh cụ thể của cá nhân, giúp cho người học có kiến thức về nghề nghiệp, khả năng lựa chọn nghề nghiệp; tạo điều kiện cho người trong độ tuổi lao động có thể tự tạo việc làm hoặc chuyển đổi nghề nghiệp thích ứng với những thay đổi của xã hội.

- Tiếp tục chỉ đạo đổi mới công tác quản lý, tổ chức lớp học xóa mù chữ phù hợp với các nhóm đối tượng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia xóa mù chữ.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tăng cường thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục. Tổ chức xây dựng và khai thác hiệu quả tài nguyên giáo dục mở; phát triển kho học liệu số dùng chung toàn ngành; khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

**2.4. Tăng cường các điều kiện bảo đảm thực hiện phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông**

*2.4.1. Sở GD&ĐT chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương*



- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm tiếp tục thực hiện công bằng và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, nhất là của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các đối tượng là trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những đối tượng yếu thế khác. Tăng cường dạy học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số, gìn giữ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Nghiên cứu, đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ trẻ dưới 36 tháng tuổi được vào học ở nhà trẻ, nhất là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu đô thị đông dân cư. Nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, tiến tới xóa mù chức năng.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách học bổng, trợ cấp xã hội cho người học; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho người học là đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; chính sách cử tuyển đối với học sinh là đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa gắn với quy hoạch hệ thống giáo dục nghề nghiệp, quy hoạch tỉnh, ngành.

- Nghiên cứu, ban hành các quy định để bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục, đặc biệt là hoàn thành giáo dục bắt buộc và phổ cập giáo dục đối với người khuyết tật. Tiếp tục triển khai có hiệu quả ba phương thức giáo dục cho người khuyết tật là phương thức giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập và chuyên biệt, trong đó đặc biệt quan tâm đến phương thức giáo dục hòa nhập.

- Rà soát, đánh giá, đề xuất, tham mưu với cấp có thẩm quyền ban hành quy định để củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú nhằm duy trì kết quả phổ cập giáo dục và tạo nguồn đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

*2.4.2. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu cho UBND tỉnh:*

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa phương, địa bàn cụ thể.

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học trong các cơ sở giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Đảm bảo đủ trường, lớp học và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu thực hiện đảm bảo Chương trình giáo dục phổ thông và củng cố bền vững kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Nâng cao hiệu quả đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích, tạo điều kiện để các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài đầu tư xây dựng phát triển cơ sở giáo dục, nhất là các cơ sở giáo dục tư thục ở những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục tại khu đô thị đông dân cư, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

- Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách đặc thù của địa phương đối với giáo viên, người tham gia dạy xóa mù chữ<sup>1</sup>.

- Kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình tiêu biểu, địa phương, đơn vị thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ có liên quan.

- Tổng hợp, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; gửi Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 12 hằng năm để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

##### **2. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Là cơ quan thường trực tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Hằng năm, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ, công tác phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương thực hiện và tham mưu theo thẩm quyền để thực hiện việc sơ kết, tổng kết, khen thưởng hàng năm và từng giai đoạn.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch của các đơn vị, địa phương, định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiến độ và kết quả thực hiện theo quy định.

---

<sup>1</sup> Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

### 3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch của địa phương và bố trí ngân sách để đảm bảo việc triển khai kế hoạch.

- Thực hiện có hiệu quả quy hoạch mạng lưới trường, lớp tại địa phương. Bố trí quỹ đất xây dựng các trường học, các trung tâm giáo dục thường xuyên, các trung tâm học tập cộng đồng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm bảo theo hướng chuẩn hóa.

- Tập trung nguồn lực, ưu tiên các nguồn ngân sách địa phương triển khai thực hiện kế hoạch, lồng ghép và sử dụng hiệu quả nguồn lực của các chương trình, đề án để thực hiện mục tiêu đổi mới, phát triển giáo dục nghề nghiệp trong thời gian tới; đồng thời xây dựng giải pháp khuyến khích, huy động các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế tham gia đầu tư cho giáo dục và đào tạo, nhất là giáo dục mầm non để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.

- Chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, từ đó nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ.

- Tổ chức chỉ đạo kiểm tra, giám sát và định kỳ hàng năm gửi báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo (*cơ quan thường trực*) trước ngày 30 tháng 12 hằng năm để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 06/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông đến năm 2030; các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả./.

**Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (B/c);
- TT. Tỉnh ủy (B/c);
- TT. HĐND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, PCVP (Ô. Minh);
- Lưu: VT, VXNV (Thắng).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Thu Trang**